

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày: 12-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Hồng;

Ông Ngô Hữu Quang - Giáo viên Trường Bồi dưỡng Giáo dục Quận 7.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử kín vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 23/3/2020, Thông báo tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/TB-TNPT ngày 22/4/2020, tuyên án công khai đối với bị cáo họ và tên:

Nguyễn Văn P; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 198/63 đường A, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; con ông Nguyễn Văn Tài và bà Đặng Thị Ngọc L; bị cáo có vợ là Hồ Thị Mỹ T và hai con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, T sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 30/4/2001; địa chỉ: Số 198/63 đường A, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tạ Thị Hồng N, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 25/3 Khu phố E, phường F, Q.7, Tp. HCM. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4/2016, Nguyễn Văn P và Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 30/4/2001 có quan hệ tình cảm yêu thương nên cùng nhau đến khách sạn V số 123 Đường số D Khu dân cư Ven Sông, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh quan hệ tình dục với nhau. Đến tháng 6/2016, T mang thai; theo lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra,

sau đó bị cáo và bị hại có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần bao nhiêu lần P và T không nhớ rõ. Ngày 09/02/2017, T sinh con trai đặt tên Nguyễn Hồ Gia B. Ngày 16/5/2019, P và T đến UBND phường 10, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn và làm thủ tục nhập khẩu cho con Nguyễn Hồ Gia B tại Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công an Quận 4 Phát hiện thời điểm sinh con, T chưa đủ 16 tuổi nên làm thủ tục chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra Công an Quận 7 làm rõ hành vi Nguyễn Tấn P về tội “Giao cấu với trẻ em” theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.249-2019/ADN ngày 08/8/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Nguyễn Văn P là người cha sinh học của Nguyễn Hồ Gia B.*” và Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.249A-2019/AND ngày 04/9/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Hồ Thị Mỹ T là người mẹ sinh học của Nguyễn Hồ Gia B.*”

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Nguyễn Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKSQ7 ngày 23/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với trẻ em” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và làm nạn nhân có thai theo quy định tại các Điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009 (Nay quy định là tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại các Điểm a, d Khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017)

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận bị cáo và bà T do có tình cảm yêu thương; khoảng tháng 4/2016 cả hai đưa nhau đến khách sạn V và tự nguyện quan hệ tình dục với nhau, bị cáo chỉ thực hiện hành vi giao cấu 01 lần thì chị T mang thai; bị cáo và người bị hại hiện nay là vợ chồng, chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, (vợ bị cáo) chị T hiện nay không đi làm chỉ ở nhà chăm sóc 02 con chung, bị cáo là lao động chính; xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại chị T khai nhận, khoảng tháng 04/2016 chị và bị cáo P do có tình cảm yêu thương nhau nên đưa nhau đến khách sạn V và tự nguyện quan hệ tình dục với nhau, sau lần quan hệ đó chị có thai và sinh bé Nguyễn Hồ Gia B, chị xác định chị và bị cáo chỉ thực hiện hành vi giao cấu 01 lần thì chị mang thai, chị và bị cáo hiện nay là vợ chồng chung sống với nhau, có 02 con chung, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tiếp tục đi làm, cùng chị nuôi dưỡng 02 con còn nhỏ (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh 2019).

Bà N khai nhận, bà là mẹ ruột của chị T. Bà không yêu cầu bồi thường đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo và con bà hiện nay đã là vợ chồng, chung sống hạnh phúc, có hai con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung 2009; Điểm s Khoản 1,

Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bị hại, bị cáo, đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ các Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.249-2019/ADN ngày 08/8/2019 và Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.249A-2019/AND ngày 04/9/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ, xét đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Hồ Thị Mỹ T; bị hại có thai và sinh ra cháu Nguyễn Hồ Gia B; thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội người bị hại chưa đủ 16 tuổi; bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo phạm vào tội “Giao cấu với trẻ em” thuộc trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung 2009.

[3] Trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần, bao nhiêu lần không nhớ rõ. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều xác định bị cáo và bị hại chỉ thực hiện hành vi giao cấu 01 lần vào khoảng tháng 4/2016 tại khách sạn V số 123 Đường số Y Khu dân cư Z, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh thì chị T mang thai, đến ngày 09/02/2017 thì chị T sinh cháu Gia B; lý do bị cáo khai thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần tại Cơ quan Điều tra là do thời gian xảy ra đã lâu nên không nhớ chính xác, hiểu không đúng câu hỏi về thời điểm quan hệ tình dục với bị hại trước hay sau khi chị T sinh cháu Gia B; bị cáo không bị ép cung và cũng không bị dùng nhục hình. Do vậy, Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ: Số lần cụ thể bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; ngày thực hiện hành vi, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội nhiều lần của bị cáo ngoài các lời khai ban đầu. Căn cứ Điều 15 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về nguyên tắc xác định sự thật vụ án “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.*” và tại Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về nguyên tắc suy đoán vô tội “*Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội*

theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”. Từ những căn cứ đã nêu, Hội đồng xét xử không đủ căn cứ áp dụng tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009 đối với bị cáo.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành; căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì các quy định pháp luật được viện dẫn, áp dụng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ và lợi cho bị cáo

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội; sau khi phạm tội và đến khi bị hại đủ tuổi kết hôn, bị cáo đã kết hôn với bị hại, cùng nhau nuôi dạy con chung, khắc phục hậu quả; người bị hại (cũng là vợ bị cáo) có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo và bị hại hiện là vợ chồng chung sống hạnh phúc, có hai con chung, bị cáo hiện nay là lao động chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; hiện là lao động chính, đang trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Tạ Thị Hồng N và chị Hồ Thị Mỹ T không có yêu cầu gì đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Giao cấu với trẻ em”;

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm tù. nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 12/5/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân phường Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn P cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, người bị hại, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ;
(Duyên) .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong